TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2026
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Tài Thủ

2. Bà Thái Ánh Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1968, *đề nghị vắng mặt*

Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1966, *vắng mặt lần 2 không lý do*

Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lê Văn T1 tự quen biết vào năm 1987 và tìm hiểu khoảng 01 năm, sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (cũ) vào ngày 21/7/2014. C đến năm 2002 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T1 không quan tâm chăm lo gia đình, kinh tế trong gia đình đều do bà tự lo. Nhiều lần khuyên nhưng ông T1 không thay đổi cho đến khi bà mang thai cháu N thì sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân bà về mẹ ruột sống, sau đó ông T1 có về sống chung với bà nhưng mạnh ai nấy sống. Năm 2025 cho đến nay thì mỗi người sống một nơi.

Xác định tình cảm đối với ông T1 không còn nữa nên xin ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thanh P, sinh năm 1990, Lê Trung H, sinh năm 1988 và Lê Nguyễn Kim N, sinh năm 2003. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất nếu có.

Bị đơn quá trình giải quyết dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Để giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T với ông Lê Văn T1. Tại biên bản xác minh ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ, địa phương cho biết bà T và ông T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 03 con chung tên Lê Thanh P, Lê Trung H và Lê Nguyễn Kim N. Cả 03 con chung đã thành niên và có gia đình riêng. Nguyên nhân ly hôn không rõ. Về tài sản chung, riêng, nợ thì không rõ. Ông T1 vẫn còn đăng ký thường trú tại khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ, hiện nay đã đi làm xa nhưng có về địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn T1; Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thanh P, sinh năm 1990, Lê Trung H, sinh năm 1988 và Lê Nguyễn Kim N, sinh năm 2003. Con chung đã thành niên, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại: khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lê Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn bà T cho rằng ông T1 không quan tâm chăm lo gia đình. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 nhiều lần để tham gia tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của bà T, nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại vì đã sống ly thân nhau đến nay không hàn gắn được. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn T1.

[3] Về con chung: Theo lời khai của bà T và kết quả xác minh của Tòa án, ông bà có 03 con chung tên Lê Thanh P, sinh năm 1990, Lê Trung H, sinh năm 1988 và Lê Nguyễn Kim N, sinh năm 2003. Đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, 227, 228, Điều 235, 238, 254, 262, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn T1.

Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thanh P, sinh năm 1990, Lê Trung H, sinh năm 1988 và Lê Nguyễn Kim N, sinh năm 2003. Con chung đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006061 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Khúc Thị Hồng